

Số: /BC7N-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 31 tháng 7 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 33⁰C Cao nhất: 36⁰C Thấp nhất: 32⁰C

Độ ẩm trung bình:..... Cao nhất:..... Thấp nhất:.....

Lượng mưa tổng số:.....

Số giờ nắng tổng số: 11 giờ (06h-17h)

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Hè Thu 2022	15.679,1	Sớm	Chắc chín - TH	803	362
		CV	Làm đồng	8.722,6	
			Trổ	4.305,1	
			Vào chắc-chín	1.917	
		Tổng		15.747,7	362

b. Cây trồng khác:

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích KH (ha)	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp)	loa kèn-trổ cò-trái	3.481,4	3.688,8
- Khoai các loại	PTTL - tạo củ	83,2	64,9
- Mì	PTTL	3.150,1	3.998
- Mía	Đẻ nhánh	1.978,2	1.838,5
- Đậu phộng	PTTL - ra hoa - đậu quả	201,6	471,2
- Cây rau các loại	Nhiều GĐ	3.128,3	2.969
- Cây đậu các loại	Nhiều GĐ	1.481,8	1.519,3
- Cây ăn quả:			
+ Nho	Lá - trái, chín - TH		1.129
+ Táo	Cắt cành-mang trái-TH		1.017
- Cây hàng năm khác: (cây gia vị, dược liệu, cỏ chăn nuôi,...)	Nhiều GĐ	2.352,6	1.916,2

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN

1. Cây Lúa:

- Bệnh đạo ôn gây hại trên diện tích 44 ha giai đoạn làm đồng - trổ (tỷ lệ 5-10%) tại huyện Ninh Sơn và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- Bệnh lem lép hạt gây hại trên diện tích 82 ha giai đoạn trổ - chín (tỷ lệ 5-6%) phân bố tại huyện Ninh Sơn và Thuận Bắc.
- Nhện gié gây hại trên diện tích 07 ha giai đoạn làm đồng - trổ (tỷ lệ 10%) phân bố tại huyện Ninh Sơn.

2. Cây Bắp: Sâu keo mùa thu gây hại trên diện tích 02 ha giai đoạn loa kèn (tỷ lệ 5-7%) phân bố tại huyện Bác Ái.

3. Cây Sắn: Bệnh Khảm lá gây hại trên diện tích 12 ha giai đoạn PTTL (tỷ lệ 5-10%) phân bố tại huyện Bác Ái.

4. Cây Nho:

- Bọ trĩ gây hại trên diện tích 10 ha (tỷ lệ 5-10 %), phân bố tại huyện Ninh Hải.
- Mốc sương gây hại trên diện tích 14 ha (tỷ lệ 5-10%), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

5. Rau - đậu các loại: Bệnh thối nhũn/nha đam gây hại 02 ha (tỷ lệ 3-5%) tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

6. Cây Táo: Sinh vật gây hại không đáng kể.

Nhìn chung, trong tuần sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ-trung bình, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý đối tượng đạo ôn, sâu đục thân, lem lép hạt,... gây hại giai đoạn làm đồng - vào chắc.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi sâu keo mùa thu gây hại.

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái, ruồi đục trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bọ trĩ, bệnh mốc sương và thán thư tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Sắn:** Tiếp tục theo dõi bệnh Khảm lá gây hại.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Thực hiện công văn số 234/TTBVTB-BVTB ngày 29/4/2022 về việc “*Hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ thực vật vụ Hè Thu 2022*”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTB miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTB (t/h);
- Lưu HC, P.BVTB.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI
(Từ ngày 25/7/2022 đến ngày 31/7/2022)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				133	133	0	0		118	
1	Đạo ôn lá	LĐ - Trổ	5-10%		44	44	0	0		44	NS,PR
2	Lem lép hạt	Trổ - chín	5-6%		82	82	0	0		67	NS,TB
3	Nhện gié	Trổ	10%		07	07	0	0		07	NS
II	Cây Bắp				02	02	0	0		02	
1	Sâu keo mùa thu	Loa kèn	5-7%		02	02	0	0		02	BA
III	Cây Sắn				12	0	12	0		0	
1	Khảm lá sắn	PTTL	5-10%		12	0	12	0		0	BA
IV	Cây Nho				24	24	0	0		24	
1	Bọ trĩ	Lá, trái	5-10%		10	10	0	0		12	NH
2	Mốc sương	Lá, trái	5-10%		14	14	0	0		14	NS,NH,PR
V	Rau, đậu các loại				02	02	0	0		02	
1	Thối nhũn/nha đam	KD	3-5%		02	02	0	0		02	PR

Ghi chú: NS, PR, NH, BA: Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Bác Ái.